

# DEMAND TO USE LEGAL SERVICES OF THE ETHNIC MINORITIES IN THE CENTRAL HIGHLANDS REGION TODAY

Truong Thi Hien<sup>a</sup>, Le Thi Hong Gai<sup>b</sup>  
Le Van The<sup>c</sup>, Luu Thi Diu<sup>d</sup>

<sup>a,d</sup>Tay Nguyen University

Email: <sup>a</sup>tthien@ttn.edu.vn; <sup>d</sup>ltdiu@ttn.edu.vn

<sup>b</sup>Institute of Social Sciences in the Central Highlands

Email: honggai2911@gmail.com

<sup>c</sup>Radio and Television Station of Dak Lak province

Email: levanthe@gmail.com

Received: 11/9/2023; Reviewed: 15/10/2023; Revised: 20/10/2023; Accepted: 03/11/2023; Released: 20/11/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/217>

Legal services are activities of providing legal services in order to provide solutions to solve related legal problems and arising from the practical activities of each individual, agency, business. By using qualitative and quantitative research methods, the article analyzes the needs of using legal services of ethnic minorities in the Central Highlands in three aspects: social security, land and marriage - family... on that basis drawing a number of barriers to the need to access and use services of ethnic minorities in the Central Highlands today.

**Keywords:** *Legal services; Ethnic minorities; Demand for using legal services; Central Highlands.*

## 1. Đặt vấn đề

Dịch vụ pháp lý (DVPL) được hiểu là tổng thể các dịch vụ tư vấn pháp luật và dịch vụ đại diện pháp lý được định lập và thực hiện theo quy định pháp luật của nước nơi các dịch vụ đó được định lập và có thể được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật nội dung và thủ tục tổ tụng khác nhau của hệ thống pháp luật quốc gia. Theo WTO, DVPL *được quy định khái quát* “bao gồm các lĩnh vực tư vấn và đại diện đối với pháp luật nước tiếp nhận dịch vụ, pháp luật của nước sở tại, nước thứ ba, luật pháp quốc tế; dịch vụ chứng thực giấy tờ tài liệu; các dịch vụ tư vấn và thông tin khác”. Cụ thể, theo WTO, DVPL (legal services) bao gồm dịch vụ tư vấn, dịch vụ tranh tụng cũng như toàn bộ các hoạt động liên quan đến việc thi hành công lý (như hoạt động liên quan đến việc thi hành công lý (như hoạt động của thẩm phán, công tố viên,...) (World Trade Organization, 2010). Các DVPL bao gồm DVPL có thu phí (do các luật sư và tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn viên pháp luật và các trung tâm tư vấn pháp luật cung cấp) và DVPL không thu phí (do các luật sư, các trung tâm, chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý (TGPL), các tổ chức đoàn thể xã hội thực hiện) nhằm giúp đỡ, hỗ trợ người có nhu cầu thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý cũng như bảo vệ các quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Tiếp cận đến DVPL luôn được xem là một điều kiện để đảm bảo công lý. Khi người dân tiếp

cận được DVPL, họ sẽ hiểu rõ hơn về các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của bản thân, được tư vấn, hướng dẫn hay hỗ trợ để yêu cầu các quyền hay thực thi trách nhiệm. Thực tế, nhóm dân tộc thiểu số (DTTS), người nghèo và dễ bị tổn thương thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các DVPL để bảo vệ quyền của mình. Trong cung cấp dịch vụ, khi một bên có phát sinh nhu cầu và một bên có khả năng cung cấp sẽ có tương tác giữa 2 bên.

Tây Nguyên là vùng đa dân tộc với 51 DTTS sinh sống, chiếm 37,65%, trong đó có 12 DTTS tại chỗ mang những đặc trưng riêng, độc đáo, việc sử dụng luật tục vẫn tồn tại ở các dân tộc này (Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở, 2019). Việc tiếp cận và sử dụng DVPL của DTTS ở Tây Nguyên hiện nay hầu như mới chỉ được ghi chép trong các báo cáo về TGPL. Đồng thời, hầu như chưa có một tài liệu nào nói đến việc sử dụng các DVPL có thu phí của đồng bào DTTS trên địa bàn Tây Nguyên. Những nghiên cứu về TGPL cũng như sử dụng DVPL của đồng bào DTTS còn rất hạn chế. Đối với các DVPL, ở vùng đồng bào DTTS ở Tây Nguyên vẫn luôn có giả định rằng, có những trường hợp có cung và có cầu nhưng chưa dẫn tới việc sử dụng dịch vụ hay nói cách khác nhu cầu chưa đạt được.

Bài viết được thực hiện với tiếp cận liên ngành xã hội học, luật học, ngôn ngữ học xã hội nhằm mục

đích nhận diện nhu cầu sử dụng các DVPL hiện nay của đồng bào dân tộc ít người đang sống trên địa bàn Tây Nguyên.

**2. Tổng quan nghiên cứu**

Tiếp cận pháp lý được coi là một trong những yếu tố quan trọng của sự phát triển ở bất kỳ quốc gia nào, đồng thời cũng là một chỉ số của dân chủ và pháp quyền. Hiện nay, chúng tôi chưa tiếp cận được các tài liệu chuyên sâu về việc sử dụng các DVPL của đồng bào DTTS. Việc sử dụng DVPL của đồng bào DTTS hiện nay hầu như mới chỉ được ghi chép trong các báo cáo về trợ giúp pháp lý. Chẳng hạn, khảo sát về tiếp cận công lý của UNDP (2003) với 1.000 người cho thấy có đến 84% người tham gia khảo sát ở vùng núi không biết đến các Trung tâm TGPL, tỷ lệ này ở vùng nông thôn và 52% ở thành phố. 6% số người tham gia khảo sát nói rằng đã từng tiếp cận tòa án để giải quyết các vụ việc của mình, cụ thể cho từng nhóm là 9%, 8% và 1% cho những người trả lời từ khu vực thành thị, nông thôn và miền núi. Các Trung tâm TGPL ra đời giúp nhóm người DTTS, hộ nghèo tiếp cận dễ dàng hơn với các dịch vụ pháp lý mục tiêu. Theo đánh giá của chương trình 135 giai đoạn II cho thấy, có 1.570 các câu lạc bộ trợ giúp pháp lý đã được thành lập, các Trung tâm TGPL đã đặt gần 12.000 băng và hộp tin về trợ giúp pháp lý tại trụ sở UBND xã, các cơ quan tiến hành tố tụng; in ấn và cấp phát trên 2.000.000 tờ gấp pháp luật bằng tiếng dân tộc cho nhân dân (13 thứ tiếng), in, sao hơn 16.000 băng catset bằng tiếng dân tộc phát miễn phí cho người nghèo, người DTTS (Ủy ban Dân tộc & UNDP, 2008). Tuy nhiên, cho tới nay, hiệu quả của các hoạt động TGPL vẫn còn chưa được đánh giá thông qua các nghiên cứu với chính những người sử dụng dịch vụ.

“Tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động TGPL cho nhân dân các dân tộc thiểu số trên địa bàn Tây Bắc” (Bùi Huy Toàn, 2022) đã đi sâu vào phân tích các tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động TGPL cho nhân dân các DTTS trên địa bàn Tây Bắc. Những gợi ý này góp phần nâng cao hiệu quả TGPL, nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các hoạt động TGPL của DTTS ở vùng Tây Bắc.

Như vậy, bài viết này được xem như là nghiên cứu khởi đầu ở Tây Nguyên quan tâm đến vấn đề tiếp cận và sử dụng DVPL ở một địa bàn có đồng bào DTTS cư trú.

**3. Phương pháp nghiên cứu**

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Nhóm phương pháp thu thập thông tin định tính bao gồm các phương pháp cụ thể là: quan sát, phỏng vấn sâu cá nhân (65 trường hợp) và nghiên cứu các trường hợp, vụ việc cụ thể. Các kỹ thuật thu thập thông tin này được thực hiện kết hợp trong các cuộc khảo sát tại cộng đồng. Phương pháp định lượng với việc sử dụng bảng câu hỏi có sẵn đã được thực hiện với 480

phiếu tại 3 tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai (mỗi tỉnh 160 phiếu).

**4. Kết quả nghiên cứu**

Nhu cầu TGPL và sử dụng các dịch vụ pháp lý khác xuất phát từ những bức xúc, mâu thuẫn, xích mích trong cuộc sống của các DTTS ở các tỉnh Tây Nguyên, được thể hiện trên 3 khía cạnh dưới đây:

**4.1. Lĩnh vực thụ hưởng các lợi ích từ chính sách xã hội**

Nếu xét về mức độ thường xuyên, việc không được hưởng các dịch vụ xã hội hoặc các lợi ích từ các chính sách xã hội như là không được công nhận là hộ nghèo hay hưởng các chính sách hộ nghèo, tham gia học khuyến nông, khuyến lâm, thụ hưởng các chính sách về tài chính, tiếp cận vốn,... là những vấn đề mà người dân hay gặp phải nhất.

**Bảng 1.** Vấn đề mà người dân gặp phải trong lĩnh vực thụ hưởng các lợi ích từ chính sách xã hội

Vấn đề mà người dân gặp phải trong 12 tháng qua	Mức độ bức xúc				
	Có, rất bức xúc	Có, bức xúc	Có, hơi bức xúc	Có, không bức xúc	Không gặp phải
Không được công nhận là hộ nghèo	1,9	11,0	9,2	24,6	53,3
Không được vay tiền từ ngân hàng	1,3	4,2	4,6	25,2	64,8
Chính sách xã hội					
Không được học về khuyến nông, khuyến lâm	0,8	3,5	2,9	22,5	70,2
Không được bàn và quyết định những vấn đề của thôn/buôn	1,0	4,4	2,3	21,7	70,6

*Nguồn.* Khảo sát bằng bảng hỏi, 2022

Dữ liệu ở bảng trên cho thấy, việc không còn được công nhận là hộ nghèo và không còn được hưởng chính sách của hộ nghèo là vấn đề của 46,7% những người được hỏi và gây nên bức xúc cho 22,1% trong số đó. Những bức xúc này xuất phát từ việc họ lo lắng không biết nên làm như thế nào để có được sổ hộ nghèo, buồn phiền khi so sánh giữa gia đình mình và gia đình người khác có cùng hoàn cảnh, mức sống nhưng thụ hưởng khác nhau. Có một số ít rất bức xúc vì trước đây vốn là hộ nghèo, bây giờ vẫn nghèo nhưng kết quả rà soát các

tiêu chí xét hộ nghèo gần đây nhất, gia đình họ đã không thuộc diện hộ nghèo mà trở thành cận nghèo hoặc thậm chí đã thoát nghèo trong khi trên thực tế không có sự thay đổi so với những năm trước.

**Hộp 1. Buồn vì không được công nhận hộ nghèo**

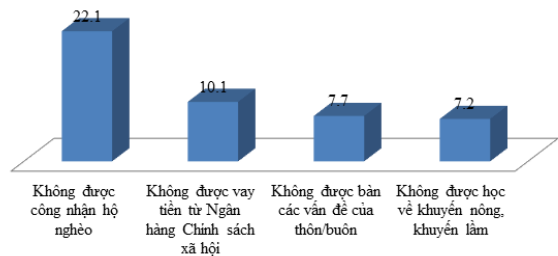
Chị 29 tuổi, có chồng đã mất, ở thôn 2, xã Đa Long, huyện Đạm Rông, tỉnh Lâm Đồng. “Hồi năm 2008, nhà em có sổ hộ nghèo. Mà từ hồi mẹ mất, không có sổ nữa. Em có đi hỏi thì thôn trả lời không có chỉ tiêu hộ nghèo, xã bàn giao ít chỉ tiêu. Giờ gia đình khó khăn quá, chồng mất sớm, hai con gái, đứa đầu 5 tuổi, bé sau 2 tuổi. Cháu học mẫu giáo mà giờ không được hỗ trợ tiền ăn. Bố em cũng hơn 60 tuổi rồi”. Trưởng thôn cho biết thêm, gia đình không có sổ hộ nghèo vì đang có diện tích đất canh tác trên chuẩn tiêu chí nghèo (có đất trồng lúa, có đất rẫy cà phê và điều). Khi được hỏi thêm thu nhập từ việc trồng lúa và thu hoạch cà phê, điều thì chị cho biết, “do không có đàn ông trong nhà làm nên thường phải thuê, phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây trồng mua tại các đại lý và sau khi thu hoạch thì trả nợ cho đại lý nhiều khi còn nợ lại, không được bao nhiêu tiền. Cuộc sống vất vả và rất lo cho tương lai của hai đứa con. Mong ước có sổ hộ nghèo để con được hỗ trợ, học hành tốt hơn”

*Nhật ký điền dã, năm 2022, xã Đa Long, tỉnh Lâm Đồng*

Như vậy, chính sách đối với hộ nghèo đã thực sự hữu ích với họ trong cuộc sống, từ chính sách tiếp cận vốn, hỗ trợ về giáo dục khi con cái đi học, hỗ trợ tiền điện,... và các hỗ trợ khác trong sản xuất kinh tế. Do đó, nhiều hộ khá nặng nề và hụt hẫng khi không còn trong diện hộ nghèo.

Đối với các bức xúc khác, có 35,3% người dân không được vay tiền từ ngân hàng chính sách vì không đủ các điều kiện, trong đó có 10,1% thể hiện thái độ bức xúc với điều này. Đối với vấn đề về học khuyến nông, khuyến lâm, có 29,7% người dân cho biết họ không được học về khuyến nông, khuyến lâm, trong đó có 7,2% trong số đó thể hiện sự bức xúc với vấn đề này. Về việc bàn, quyết định những vấn đề của thôn/buôn, có 29,4% người tham gia khảo sát cho biết trong 12 tháng vừa qua, họ đã không được bàn, quyết định những vấn đề của thôn/buôn, trong đó có 7,7% cho rằng bức xúc với điều này.

Xét theo mức độ bức xúc, biểu đồ dưới cho thấy, vấn đề không được công nhận hộ nghèo thể hiện cao nhất, kế đến là vấn đề vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội, thứ ba là không được bàn các vấn đề của thôn, buôn và kế đến là không được học về khuyến nông, khuyến lâm.



**Biểu đồ 1.** Các vấn đề mà người dân tộc thiểu số đang bức xúc về lĩnh vực thụ hưởng chính sách an sinh xã hội (%)

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu (2022).

Với mỗi vấn đề bức xúc, người dân cần được tư vấn, làm rõ để hiểu vấn đề hoặc để giải quyết bức xúc theo hướng mà họ mong muốn. Từ những bức xúc này, khi họ không tự giải quyết sẽ nảy sinh nhu cầu tìm đến DVPL nhằm làm rõ vấn đề. Tuy nhiên, thực tế, nhu cầu thì có nhưng với những hạn chế nhất định nên chưa dẫn đến việc sử dụng các dịch vụ này.

**4.2. Lĩnh vực đất đai**

Trong lĩnh vực đất đai, các vấn đề: tranh chấp đất đai; không được giao rừng hoặc đất nông nghiệp; không được đền bù thỏa đáng khi đất đai bị thu hồi; không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là những vấn đề mà người dân ở các điểm khảo sát đang gặp phải.

**Bảng 2.** Vấn đề mà người dân gặp phải trong lĩnh vực đất đai (%)

Những vấn đề mà người dân gặp phải trong 12 tháng qua	Mức độ bức xúc				
	Có, rất bức xúc	Có, bức xúc	Có, hơi bức xúc	Có, không bức xúc	Không gặp phải
Tranh chấp đất đai với người trong gia đình, dòng họ	8,1	1,7	17,1	0	73,1
Không được giao rừng hoặc đất nông nghiệp	2,3	3,1	5,6	15,0	74,0
Không được đền bù thỏa đáng khi đất đai bị thu hồi	2,3	3,1	5,6	12,3	76,7

Không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2,5	4,2	0,2	10,6	82,5
Tranh chấp đất đai với người ngoài	5,2	4,4	0,2	1,0	89,2

*Nguồn. Khảo sát bằng bảng hỏi, 2022*

Theo kết quả điều tra định lượng, có 26,9% người dân có bức xúc về việc đang có vấn đề liên quan tranh chấp đất đai với người trong gia đình, dòng họ. Đây cũng là vấn đề pháp lý phổ biến nhất trong lĩnh vực đất đai mà người dân tộc ít người đang gặp phải tại các điểm khảo sát. Đồng thời, tất cả những người tham gia trả lời phỏng vấn đều cho biết họ bức xúc về việc này.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, người dân nói nhiều đến tranh chấp đất đai với người trong gia đình, dòng họ, trên thực tế ở các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số tại chỗ khi cho con cái đất thường chia miếng, không làm giấy tờ sang nhượng nên cũng rất dễ thay đổi ý định hoặc tranh chấp khi bố mẹ mất đi. Nhưng hầu hết các trường hợp đều cho biết, họ cam chịu phần thiệt về mình mà không nhờ đến chính quyền địa phương hoặc luật pháp phân giải.

Liên quan vấn đề tranh chấp đất đai với người ngoài gia đình, có 10,8% người dân tham gia khảo sát cho biết họ đang gặp phải vấn đề này. Hầu hết, các trường hợp đều liên quan tranh chấp ranh giới giữa các thửa đất, bao gồm cả đất rừng, đất ở và đất ruộng. Tại các điểm khảo sát, chúng tôi thấy người dân đang khá lúng túng khi mong muốn bảo vệ lợi ích của gia đình mà chưa biết phải làm như thế nào.

## Hộp 2. Nỗi bức xúc khi có tranh chấp ranh giới đất đai

Chị mới lập gia đình. Hai vợ chồng được cha mẹ cho đất trồng keo, đã chăm sóc được 14 năm. Chị cho biết: “Mấy năm trước, hai vợ chồng em bàn nhau phá ít keo để trồng điều. Nhưng điều bị chết nhiều, vì bỏ hạt xong có con ếch nó ăn hay sao đó, cỏ mọc chả thấy điều. Ít điều lắm, toàn thấy cỏ. Người kia là hàng xóm, lấn đất keo của mình để trồng cà phê. Họ thấy cỏ nên họ trồng cây cà phê của họ. Họ lấn phải bằng cả cái chõ này (khoảng 1 sào). Nhà mình có qua nói chuyện hai lần. Mình nói nhà tôi trồng keo mà, đất ông bà để lại đã làm mấy chục năm. Trồng gì thì nhìn rõ cái đất của mình mà trồng chứ. Hôm trước mình tức quá, nhổ 14 cây cà phê. Cây còn nhỏ thôi. Nhưng họ lại trồng tiếp

*(Nữ, dân tộc Mnông, xã Đa Tông, Lâm Đồng)*

“Mình có đất ở dưới Đa Tông, có 5 sào mà do bố mẹ cho nhưng bỏ hoang mấy năm, không có người làm. Đất có số đo, giấy tờ. Hồi đó có ông chú làm ở xã nên phụ bố mẹ làm giấy tờ đất. Nhà kia dưới Đa Tông, người Cơ Ho làm chiếm mất 3 sào rưỡi. Họ làm mấy năm nay, làm cà phê. Mình có gặp họ hai, ba lần, có nói không được làm đất nhà tôi nữa, đất đó của tôi đó, không được trồng nữa. Mà họ nói đất của họ. Hồi giấy tờ đâu, họ bảo để trên huyện chưa lấy về. Mình định sẽ báo với trưởng thôn ở đây. Nhưng có người khuyên phải báo dưới Đa Tông chứ báo đây thì sao đòi được. Nếu xã không giải quyết được thì chắc phải ra huyện. Định vậy thôi chứ giờ cũng chưa biết phải làm sao”

*(Nữ, dân tộc Cil, 28 tuổi, Đa Long, Lâm Đồng)*

“Em muốn đưa sự việc lên xã nhưng sợ nói tiếng Kinh không được rõ. Nhà em có đất rẫy trồng mỳ. Họ lấn đất trồng mỳ. Em có nhờ ông cậu nói già làng đứng ra giải quyết mấy lần. Họ lúc đầu chỉ mượn đất trồng mỳ thôi mà sau muốn lấy luôn. Già làng xử phải trả lại đất. Họ cũng đồng ý thế là đúng nhưng phải trả lại thì thấy buồn nên chưa trả lại”

*(Nữ, 54 tuổi, dân tộc Ê Đê, xã Ea Bông, Đắk Lắk)*

Thực tế, đang có những tranh chấp ranh giới đất đai đã đến mức cần được hỗ trợ tư vấn pháp lý bởi chắc chắn rằng, sự thương lượng hoà giải giữa hai bên không giải quyết được tranh chấp đang tồn tại. Tuy vậy, người dân vẫn chưa thực sự biết một cách rõ ràng những gì cần phải làm để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

Đối với các vấn đề khác, có 26% người dân tộc ít người tham gia trả lời khảo sát cho biết trong 12 tháng vừa qua, gia đình họ không được giao rừng hoặc đất nông nghiệp. Với vấn đề không được đền bù thỏa đáng khi đất đai bị thu hồi và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tỷ lệ lần lượt là 23,3% và 17,5%. Đáng lưu ý, phần nhiều người dân không bức xúc hoặc bức xúc ít mặc dù không được giao rừng, đất nông nghiệp hoặc không được đền bù thỏa đáng khi đất đai bị thu hồi hoặc không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người dân cũng gặp những vấn đề liên quan đất đai với chính quyền trong việc hiến đất làm nhà văn hoá thôn hoặc hiến đất làm đường. Tuy vậy, chúng tôi chưa ghi nhận được sự bức xúc với chính quyền cho thấy, bức xúc này mới chỉ tạo ra dư luận trong phạm vi gia đình, cộng đồng.

Ở Đắk Lắk, trong các cuộc thảo luận nhóm tập trung, chúng tôi cũng đã ghi nhận được những vấn đề pháp lý mà người dân tộc ít người đang gặp phải do không đọc kỹ hoặc không rõ các văn bản liên quan chuyển nhượng đất đai.

### Hộp 3. Người dân bị mất đất bởi không đọc kỹ các văn bản chuyển nhượng

Hai năm nay sốt đất, đối tượng cò đất đến buôn bán, người dân chưa am hiểu nhiều về pháp luật nên nảy sinh vấn đề mâu thuẫn trong mua bán. Bà con người dân tộc thiểu số không biết chữ, không đọc hợp đồng, nghe theo lời nói của người cò đất. Cò đất là người ngoài địa phương (không phải người DTTS) làm thông tin diện tích đất trong văn bản không đúng theo trao đổi miệng với người dân. Diện tích lớn hơn so với trao đổi, người dân bị mất đất. Người dân không biết nên ký vào văn bản. Nguyên nhân là do sự chủ quan của người dân

(*Nữ, cán bộ phụ nữ xã, xã Ea Bông, Đắk Lắk*)

Chắc chắn còn các tình huống tương tự khác xảy ra. Có trường hợp con trai nói bố mẹ kí để con làm chủ hộ khẩu nhưng thực tế ký vào văn bản có nội dung chuyển nhượng đất. Thế người con được toàn quyền quyết định, bán hết

(*Nữ, cán bộ tư pháp xã, xã Ea Bông, Đắk Lắk*)

Người dân thấy số tiền lớn, tự đi công chứng, không hiểu văn bản, không hỏi để được tư vấn trước. Rồi thì chuyện đáo hạn ngân hàng, dân cũng có khi mất tiền. Người dân trước giờ ít có số tiền lớn, khi nghe có số tiền lớn thì vội vàng, tự quyết, tự làm. Cá nhân có tuyên truyền nhưng nhiều người dân vẫn không nghe

(*Nam, cán bộ đoàn, xã Ea Bông, Đắk Lắk*)

*Kết quả thảo luận nhóm cán bộ xã, năm 2022, xã Ea Bông, Đắk Lắk.*

Như vậy, liên quan đến vấn đề đất đai, vấn đề bức xúc khá nhiều vấn đề. Thường vấn đề đất đai, các trường hợp tranh chấp với nhau giữa hai hộ gia đình khó có thể tự giải quyết tranh chấp đó được. Điều này cho thấy, nhu cầu về DVPL thực hữu ích trong các trường hợp này bởi bản thân người dân cũng bối rối, chưa biết xử lý thế nào vì nó gắn với tư liệu sản xuất của hộ gia đình. Mặc dù vậy, thực tế, phương pháp người dân sử dụng chủ yếu là nên báo sự việc với trường thôn/buôn, tỷ lệ đưa lên chính quyền cao hơn còn thấp.

#### 4.3. Lĩnh vực hôn nhân - gia đình

Trong lĩnh vực hôn nhân gia đình, những vấn đề bạo hành gia đình, mâu thuẫn sau ly hôn không xảy ra trên diện rộng, nhưng ảnh hưởng của chúng lại rất lớn đến cuộc sống của những người liên quan. Có 33,8% người dân tộc ít người tham gia cuộc khảo sát cho biết trong gia đình có bạo hành gia đình và 9,8% cho rằng gia đình có mâu thuẫn sau ly hôn, trong đó, tỷ lệ bức xúc lần lượt là 16,9% và 9,8%.

**Bảng 3.** Vấn đề mà người dân gặp phải trong lĩnh vực hôn nhân - gia đình

Những vấn đề mà người dân gặp phải	Mức độ bức xúc				
	Có, rất bức xúc	Có, bức xúc	Có, hơi bức xúc	Có, không bức xúc	Không gặp phải
Gia đình có bạo hành gia đình	2,1	3,5	11,3	16,9	66,3
Gia đình có mâu thuẫn sau ly hôn	5,6	4,0	0,2	-	90,2

*Nguồn.* Phỏng vấn bảng hỏi, 2022

Dữ liệu phỏng vấn sâu cũng ghi nhận những trường hợp là nạn nhân của bạo lực gia đình và gây ra những bức xúc nhất định.

“Chồng trước đánh. Chồng này thì không. Đánh mà tháng nào cũng phải ra trạm xá. Có em gái làm ở xã, bức xúc quá kêu làm giấy ly hôn. Hồi đó chồng đi làm thợ xây ở Biển Hồ, kêu về. Em gái nói ly hôn để còn lấy chồng khác. Nhưng ông chồng này cũng chưa có làm giấy. Vì nhà bên đó nghèo quá, chưa làm đám hỏi được. Chưa có đám hỏi nên chưa cưới được. Em nuôi 2 đứa con, chồng kia đi làm tận ở đâu em cũng không biết. Con bé này 2 tuổi nhưng làm giấy khai sinh cũng không khai tên bố” (Nữ, 45 tuổi, dân tộc Ba na, đã ly hôn, xã Kong Htok, Gia Lai).

Dữ liệu khảo sát định lượng cũng đã ghi nhận được nhiều trường hợp trong gia đình có làm giấy khai sinh, giấy kết hôn hay thủ tục ly hôn nhưng không thực hiện hết cho các thành viên. Các thủ tục pháp lý cơ bản này chủ yếu được thực hiện ở những người trẻ trong gia đình.

**Bảng 4.** Tỷ lệ người dân báo cáo có làm các thủ tục pháp lý cơ bản

Loại thủ tục	Có	Không làm	Không có	Có, nhưng không làm hết
Khai sinh	382 79,6%	0 0%	0 0%	98 20,4%
Đăng ký kết hôn	347 72,3%	22 4,6%	0 0%	111 23,1%
Ly hôn	5 1,0%	16 3,3%	459 95,6%	0 0%

*Nguồn.* Khảo sát bảng hỏi, 2022

Kết quả ở bảng 4 cho thấy, nhận thức hạn chế về Luật hôn nhân gia đình cũng như các thủ tục tư pháp của các hộ DTTS. Điều này cũng đặt ra vấn

đề về công tác tuyên truyền Luật pháp, công tác hộ tịch, hộ khẩu tại địa phương.

#### Hộp 4. Việc thực hiện các thủ tục pháp lý cơ bản của người dân

“Bây giờ mới kết hôn chứ ngày xưa làm gì có. Trong nhà thanh niên thì có giấy mà người già thì không có”

(Nam, 45 tuổi, dân tộc Ê Đê, xã Ea Bông, Đắk Lắk)

“Mình không có giấy kết hôn trên xã nhưng có giấy ở nhà. Lúc cưới, có giấy của già làng đưa cho, cũng gần giống như giấy cam kết trong hôn nhân”

(Nam, 42 tuổi, dân tộc Ba Na, xã Kông Htok, Gia Lai)

“Mười mấy năm trước, lấy chồng mà chồng toàn đi làm ăn xa, tận Đắk Nông, Đắk Mil. Có một đứa con. Hai năm trước, chịu xa mấy năm không được rồi ly hôn. Tại chồng không chịu về. Có chị gái làm ở ủy ban xã nói không về thì ly hôn. Lúc đó kêu chồng về chi ký thôi. Em lấy chồng mới mà người ta cũng có con rồi, chưa ly hôn được đâu. Nên giờ em lại chưa có giấy kết hôn. Vì người ta chưa ly hôn với vợ đó. Con em hơn 1 tuổi, có giấy khai sinh mà chỉ khai tên em. Giấy khai sinh không có tên ông”

(Nữ, 30 tuổi, dân tộc Ê Đê, xã Ea Bông, Đắk Lắk)

“Mình làm gì có giấy kết hôn. Ngày xưa ông bà cưới, không nhớ cưới sao nữa. Mâu thuẫn cũng có. Khi xử lý một sự việc trong làng, nếu là người theo đạo thì phải có sự kết hợp giữa luật tục, luật pháp và giáo lý. Dân cần tư vấn nhiều. Mỗi năm cũng phải mấy vụ cần giải quyết chuyện đánh nhau còn thì gặp nhau khuyên bảo thì nhiều”

(Nữ, 45 tuổi, dân tộc Gia rai, thành viên tổ hoà giải, xã Ia Tiêm, Gia Lai)

“Ở đây người DTTS chiếm đa số, trình độ hiểu biết về pháp luật còn hạn hẹp. Có những người không coi trọng, không tham gia nhiều vào các buổi tập huấn pháp luật. Rồi thì rượu chè, đánh đập, chửi bới nhau cũng có. Mâu thuẫn trong hôn nhân còn nhiều. Nhiều trường hợp tảo hôn. Mới 12, 13, 14 tuổi có khi bầu rồi. Cũng có khi biết rõ cha đưa bé nhưng không nhờ cậy được người giải quyết nên tự sinh, tự nuôi con. Bởi vậy, nhiều khi có con rồi mới đăng lý kết hôn hoặc chưa đủ tuổi thì cưới trước, đăng ký sau. Tức là về ở với nhau trước, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn sau. Tuy nhiên, nội bộ gia đình cũng có khi có làm biên bản giữa 2 bên để công nhận. Việc làm giấy khai sinh cho trẻ cũng chậm trễ. Thường khi có sự ảnh hưởng đến quyền lợi nào đó thì người dân mới đi làm giấy đăng ký kết hôn như đi học, đi bệnh viện,…”

(Nữ, cán bộ tư pháp xã, xã Ea Bông, Đắk Lắk)

Những nhận định trên của một người cho thấy, nhận thức về pháp luật hạn chế dẫn đến hạn chế trong việc tiếp cận và sử dụng DVPL của các DTTS tại Tây Nguyên hiện nay.

#### 5. Thảo luận

Ở nội dung trên đã phân tích những bức xúc của các DTTS tại các địa phương khác nhau về 3 vấn đề thường hiện hữu trong cuộc sống, cho thấy, sự bức xúc cùng với kiến thức pháp luật hạn chế đã nảy sinh những nhu cầu về DVPL cần thiết nhằm hỗ trợ người dân. Song thực tế, việc sử dụng DVPL của người DTTS còn rất hạn chế, kể cả các dịch vụ không thu phí từ hoạt động TGPL. Điều này cho thấy, mối quan hệ cung cầu chưa được giải quyết, về cơ bản, nguồn “cung” được đáp ứng tại các địa phương song nhận thức về các nguồn cung cũng rất hạn chế, bên cạnh đó, nhu cầu chưa trở thành động lực để họ tìm kiếm, tìm hiểu và sử dụng DVPL. Thực tế này đòi hỏi cần làm rõ một số khó khăn từ phía người DTTS được xem như là “rào cản” đối với nhu cầu sử dụng DVPL của các DTTS tại Tây Nguyên như:

*Thứ nhất*, nhận thức về Luật pháp và các DVPL hạn chế.

*Thứ hai*, rào cản về trình độ học vấn.

*Thứ ba*, rào cản về chi phí.

*Thứ tư*, thiếu niềm tin đối với các DVPL.

*Thứ năm*, do ảnh hưởng bởi văn hóa, tập quán truyền thống của các DTTS.

Ngoài những rào cản trên, *rào cản về ngôn ngữ* cũng ảnh hưởng đáng kể. Thực tế, các cộng đồng DTTS tại Tây Nguyên, số lượng người biết và thành thạo ở tiếng Kinh khá hạn chế (trừ nhóm là cán bộ, kinh doanh, buôn bán và lớp trẻ hiện nay). Sự biệt ngôn ngữ là rào cản cơ bản khiến cho nhu cầu TGPL của người dân trở nên khó thực thi, họ e ngại với các cán bộ là người Kinh và mong muốn cán bộ là người dân tộc mình để có thể dễ dàng chia sẻ, nhận tư vấn.

#### 6. Kết luận

Trong các cộng đồng DTTS tại các tỉnh Tây Nguyên hiện nay tồn tại những bức xúc nhất định liên quan đến việc thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội, vấn đề tranh chấp, đền bù đất đai, vấn đề hôn nhân - gia đình,... đó là những vấn đề mang tính pháp lý và cần có sự trợ giúp, tư vấn pháp lý với họ. Tuy nhiên, thực tế, vấn đề bức xúc, nhu cầu về sự TGPL của các DTTS chưa dẫn đến việc họ tiếp cận và sử dụng các DVPL để giải quyết những vấn đề trên. Do đó, tỷ lệ người dân sử dụng DVPL rất thấp, thậm chí tỷ lệ hiểu biết về DVPL này cũng rất mơ hồ, hạn chế. Hạn chế này xuất phát từ một số rào cản như nhận thức về pháp luật và DVPL của người dân, trình độ học vấn thấp, rào cản về chi phí, về ngôn ngữ, phong tục tập quán của DTTS,... Tất cả những yếu tố này vô hình chung khiến các DTTS

Tây Nguyên có xu hướng chấp nhận vấn đề hoặc chủ yếu giải quyết qua tô hòa giải ở thôn/buôn, nơi vai trò của già làng, trưởng buôn/làng được đề cao.

Các DVPL là những kênh quan trọng, góp phần mang đến những hiểu biết, hướng dẫn và hỗ trợ cho người dân. Chừng nào đồng bào dân tộc ít người còn chưa tiếp cận bình đẳng tới các DVPL

thì khó có thể đảm bảo các quyền và trách nhiệm của họ được tôn trọng trên thực tế. Trong bối cảnh này, đẩy mạnh và tăng khả năng tiếp cận của đồng bào dân tộc ít người tới các DVPL là một phương thức hiệu quả để thực thi luật pháp đồng thời góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS ở Tây Nguyên.

### Tài liệu tham khảo

- Chính phủ. (2007). *Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật luật sư*. Nghị định số 28/2007/NĐ-CP ngày 26/2/2007.
- Golub, S. (2003). *Non-state justice systems in Bangladesh and the Philippines*. Department for International Development, London.
- Panou, A. (2020). *Project Information Document (PID)-Vietnam: Improved Delivery of Legal Aid for the Poor And Vulnerable-P171660*. Washington, D.C.: World Bank Group.
- Toàn, B. H. (2022). Tiêu chí đánh giá hiệu quả của hoạt động Trợ giúp pháp lý cho nhân dân các dân tộc thiểu số trên địa bàn Tây Bắc. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, 2(359), tr.53-57.
- UNDP. (2003). *Khảo sát quan điểm của người dân về tiếp cận công lý ở Việt Nam*.
- Ủy ban Dân tộc, & UNDP. (2008). *Báo cáo phân tích điều tra cơ bản Chương trình 135-II*. Hanoi.
- World Trade Organization. (2010). *Legal services*. S/C/W/318 <https://s.net.vn/mQBt>
- Zurstrassen, M. (2007). Indonesia's Revitalization of Legal Aid (RLA) Program: Strengthening Legal Services for the Poor. *Justice for the Poor*, 1(5).

## NHU CẦU SỬ DỤNG DỊCH VỤ PHÁP LÝ CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

Trương Thị Hiền<sup>a</sup>, Lê Thị Hồng Gái<sup>b</sup>  
Lê Văn Thế<sup>c</sup>, Lưu Thị Dịu<sup>d</sup>

<sup>a,d</sup>Trường Đại học Tây Nguyên

Email: <sup>a</sup>[tthien@ttn.edu.vn](mailto:tthien@ttn.edu.vn); <sup>d</sup>[ltdiu@ttn.edu.vn](mailto:ltdiu@ttn.edu.vn)

<sup>b</sup>Viện Khoa học Xã hội vùng Tây Nguyên

Email: [honggai2911@gmail.com](mailto:honggai2911@gmail.com)

<sup>c</sup>Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Đắk Lắk

Email: [levanthe@gmail.com](mailto:levanthe@gmail.com)

Nhận bài: 11/9/2023; Phản biện: 15/10/2023; Tác giả sửa: 20/10/2023; Duyệt đăng: 03/11/2023; Phát hành: 20/11/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/217>

Dịch vụ pháp lý là hoạt động cung cấp những dịch vụ pháp luật nhằm cung cấp các giải pháp để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan và nảy sinh từ các hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp. Bằng việc sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng, bài viết phân tích nhu cầu sử dụng các dịch vụ pháp lý của đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn Tây Nguyên ở 3 khía cạnh: an sinh xã hội, đất đai và hôn nhân - gia đình,... trên cơ sở đó rút ra một số rào cản đối với nhu cầu tiếp cận và sử dụng dịch vụ của các dân tộc thiểu số trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay.

**Từ khóa:** Dịch vụ pháp lý; Dân tộc thiểu số; Nhu cầu sử dụng dịch vụ pháp lý; Vùng Tây Nguyên.